

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2024

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Phương L;

Địa chỉ: ấp T, Phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Cà L;

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, chị Trương Thị Phương L và anh Võ Cà L có tổ chức lễ cưới nhưng chị L và anh L không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của chị L và anh L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ai bắt buộc. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị L và anh L chung sống tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chị L và

anh L chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh L thường xuyên cờ bạc. Chị L và anh L đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay, khi sống ly thân chị L và anh L mỗi người đều có công việc và cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh L có 01 (một) người con chung là Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008), sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Gia S cho đến khi cháu S đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự khai có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008) và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu S.

Về tài sản chung: Chị L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Võ Cà L trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, anh L và chị L chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng anh L và chị L không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo anh trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị cũng không mâu thuẫn gì. Như lời trình bày của chị L anh thống nhất có tham gia cờ bạc trên mạng, có gây nợ nhiều lần hơn 2 tỷ, những sau đó được gia đình và chị L trả xong nợ. Ngoài ra thì vợ chồng không còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác. Theo yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng thì quan điểm của anh L thì anh không đồng ý vì anh rất thương vợ và thương con anh mong được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, nếu chị L vẫn kiên quyết yêu cầu chấm dứt cuộc sống vợ chồng với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị L trong thời gian chung sống anh L và chị L có 01 người con chung là cháu Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008). Nếu Tòa án ra quyết định không công nhận anh L và chị L là vợ chồng thì anh L đồng ý theo nguyện vọng của cháu S, giao cháu S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không cấp dưỡng nuôi cháu S.

- Về tài sản chung, nợ chung thống nhất với lời trình bày của chị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên đối với cháu Võ Gia Sang, lập ngày 19 tháng 11 năm 2024 cháu S trình bày: Hiện nay cháu S đang học lớp 11, tại Trường trung học phổ thông Ngã Năm, sau khi cha mẹ ly hôn cháu S có nguyện vọng sống với chị L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Phương L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị Phương L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Phương L cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Trương Thị Phương L nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Phương L và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Phương L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con giữa chị Trương Thị Phương L và bị đơn anh Võ Cà L cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Phương L và anh Võ Cà L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo

chị L trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên cò bạc. Chị L và anh L đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay, khi chị L và anh L sống ly thân thì anh chị không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Nay chị Trương Thị Phương L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận chị Trương Thị Phương L và anh Võ Cà L là vợ chồng.

Xét thấy, chị Trương Thị Phương L, anh Võ Cà L sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2007 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Nên việc chị Trương Thị Phương L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị L và anh L là vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Trương Thị Phương L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008) đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Nhận thấy tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu S thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Trương Thị Phương L.

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008) cho đến khi cháu S đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Võ Gia S.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý cũng như theo nguyện vọng của cháu S nên việc giao cháu S cho chị Trương Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008) cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu S đủ 18 (mười tám) tuổi. Bị đơn anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Đáng lẽ ra, anh L là người không trực tiếp nuôi các con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày, hiện tại chị L có việc làm ổn định, đảm bảo để nuôi cháu S nên chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu S. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Trương Thị Phương L và bị đơn anh Võ Cà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn chị Trương Thị Phương L và bị đơn anh Võ Cà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Phương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Phương L và

anh Võ Cà L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung tên Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008) cho chị Trương Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu S đủ 18 (mười tám) tuổi.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Phương L tự khai có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008) và tự nguyện không yêu cầu anh Võ Cà L cấp dưỡng nuôi cháu Võ Gia S nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3 Sau khi ly hôn, anh Võ Cà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Võ Gia S (nam, sinh ngày 10/6/2008), chị Trương Thị Phương L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Võ Cà L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Trương Thị Phương L và anh Võ Cà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị Phương L và anh Võ Cà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0006484 ngày 02 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn chị Trương Thị Phương L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thu Hồng

